

Bản án số: 409/2023/DS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 11 và 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H (T), sinh năm 1983;

Bà Nguyễn Bé B, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 9, Đ H, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Hồ Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 17/01/2023, ông Nguyễn Văn H có hợp đồng mua bán lúa với ông Hồ Văn Đ, cụ thể:

Hợp đồng thứ 1: Ông H đặt cọc cho ông Đ số tiền 80.000.000 đồng, ông Đ có trách nhiệm thu mua lúa trong dân, loại lúa ST, Lộc Trời giá mua là 7.300 đồng/kg, ông Đ phải mua giao lại cho ông H 200 tấn lúa.

Hợp đồng thứ 2: Ông H đặt cọc cho ông Đ số tiền 15.000.000 đồng, ông Đ có trách nhiệm thu mua lúa, loại lúa Đài Thơm hai bên thoả thuận giá mua là 6.600 đồng/kg, ông Đ phải giao lại cho ông H 50 tấn lúa.

Việc hợp đồng mua bán cụ thể do ông H thoả thuận quyết định, bà Bảy chỉ ký vào hợp đồng mua bán. Ông H giao tiền cọc cho ông Đ ngay khi ký hợp đồng và có ghi vào hợp đồng, thoả thuận ông Đ mua lúa về giao cho ông H thì ông H thanh toán tiền lúa, đến khi giao đủ số lượng lúa trong hợp đồng thì đối trừ luôn tiền cọc để kết thúc hợp đồng. Sau khi hợp đồng, loại lúa Đài Thơm ông Đ giao được 41,922 tấn, loại lúa ST, Lộc Trời giao được 63,294 tấn. Phần lúa giao ông H nhận đã thanh toán tiền cho ông Đ xong.

Ngày 17/01/2023, ông Đ và ông H có thoả thuận qua điện thoại, ông H chuyển thêm tiền cọc để ông Đ mua loại lúa khác, không lập hợp đồng. Ngày 30/01/2023, ông H chuyển cho ông Đ số tiền 45.000.000 đồng, ngày 08/02/2023 ông H chuyển cho ông Đ thêm 60.000.000 đồng. Đến ngày 24/02/2023, giữa ông và ông Đ gặp nhau thống nhất số tiền đặt cọc 105.000.000 đồng qua chuyển khoản sẽ mua loại lúa Lộc Trời, ST, ông Đ có trách nhiệm thu mua cho ông H 160 tấn, giá 7.100đồng/kg, đối với hợp đồng này thoả thuận giao tại ruộng.

Sau đó, ông Đ không thực hiện đúng hợp đồng, không giao lúa đúng số lượng thoả thuận, cũng không trả lại tiền cọc nên ông H, bà Bảy khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng.

Bị đơn, ông Hồ Văn Đ trình bày:

Việc thoả thuận mua bán và chuyển tiền cọc như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Ông có nhận của ông H tổng số tiền cọc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng khi ông Đ giao lúa thì ông H không nhận do không có khả năng thanh toán tiền lúa, ông Đ phải bán số lúa đã thu mua gấp nên bị lỗ, việc này lập lại nhiều lần nên ông Đ không giao lúa tiếp cho ông H. Số tiền cọc 200.000.000 đồng ông H phải bồi thường cho ông do ông bị lỗ. Do đó, ông không đồng ý trả lại tiền cọc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án

nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Hồ Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/8/2023, ông Hồ Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, bởi vì ông Đ vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng, nên phải hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc cho ông H như án sơ thẩm quyết định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ trình bày chỉ bị thua lỗ khoảng 20.000.000 đồng, ông Đ có điện thoại nhiều lần cho H nhận lúa, do H không có tiền thu mua nên không nhận lúa, lời trình bày này của ông Đ không có chứng cứ để chứng minh.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông Tuấn là người vi phạm hợp đồng, ông Đ giao lúa như thỏa thuận, do ông H không nhận nên ông Đ phải bán lúa gấp với giá rẻ, xem như tiền cọc bù vào khoản thua lỗ. Tại cấp sơ thẩm do không am hiểu pháp luật nên không cung cấp chứng cứ, cho nên ông Đ yêu cầu tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để ông có thời gian bổ sung chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Hồ Văn Đ thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn Đ về việc không đồng ý trả lại số tiền cọc 200.000.000 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Bé B. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Các đương sự thống nhất xác định vào ngày 17/01/2023, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Bé B và ông Hồ Văn Đ có ký kết 02 hợp đồng đặt cọc mua bán lúa. Theo hợp đồng thì ông Đ có trách nhiệm thu mua lúa giao lại cho ông H, ông

H có trách nhiệm thanh toán tiền lúa cho ông Đ theo loại lúa, số lượng lúa và giá thoả thuận. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng thì ông H đã đặt cọc nhiều lần cho ông Đ với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã giao được 41,922 tấn loại Đài Thom và 63,294 tấn loại lúa ST, Lộc Trời, ông H đã thanh toán xong cho ông Đ. Đối với số tiền đặt cọc, thoả thuận khi nào hoàn thành việc giao lúa lần cuối cùng sẽ đối trừ. Như vậy, các bên chỉ tranh chấp về số tiền đặt cọc, không có tranh chấp về trách nhiệm thanh toán tiền lúa. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Phía nguyên đơn cho rằng, ông Đ không thực hiện đúng hợp đồng, không giao đủ số lượng lúa nhưng không trả lại tiền cọc. Phía bị đơn thừa nhận có nhận số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ giao lúa nhưng ông H không nhận do không có tiền mua, dẫn đến ông Đ phải bán lúa gấp nên bị lỗ, việc này lặp lại nhiều lần nên ông Đ không giao lúa tiếp cho ông H; do ông H có lỗi làm cho ông Đ bị thiệt hại nên ông H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ số tiền cọc 200.000.000 đồng. Xét thấy, ông Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc ông H không nhận lúa, cũng như chứng minh có thiệt hại xảy ra. Cấp phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để ông Đ bổ sung tài liệu, nhưng ông Đ cung cấp hai hợp đồng mua bán (hai hợp đồng này đã có bản phô tô trong hồ sơ) và một “giấy xác nhận”, với các văn bản này không có căn cứ pháp lý để chứng minh phía nguyên đơn có lỗi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*, do ông Đ vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng mua bán lúa nên “phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc” cho nguyên đơn. Như vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Bé B buộc ông Hồ Văn Đ trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Đ; chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

[4] Án phí phúc thẩm ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 274/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B. Buộc Hồ Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ Văn Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B không phải chịu án phí; ông Nguyễn Văn H (T), bà Nguyễn Bé B có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại biên lai số 0006812 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được trả lại.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Hồ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/8/2023 ông Hồ Văn Đ nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 theo biên lai thu số 0007326 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Nguyễn Thị Hiền